



BÀI TẬP HÓA HỌC 8

Phiếu bài tập số 8- Công thức hóa học

Họ và tên.....Lớp.....

Câu 1: Đưa các công thức hóa học đã cho vào các ô tương ứng phía dưới phù hợp với nội dung của từng cột (Lưu ý số thứ tự tương ứng với thứ tự của các CTHH tăng dần từ trái sang phải)

$\text{Mg}(\text{NO}_3)_2$	$\text{Fe}_2(\text{SO}_4)_3$	HNO_3	Cl_2	HCl	H_2SO_4	CaCO_3	CH_4
----------------------------	------------------------------	----------------	---------------	--------------	-------------------------	-----------------	---------------

Thành phần nguyên tố có H và O	Có 6 hoặc 12 nguyên tử Oxi trong phân tử	Có phân tử khối ở trong khoảng $16 \leq M \leq 37$
1:	3:	5:
2:	4:	6:

Câu 2: Cho $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$. Số nguyên tử H có trong hợp chất

- A. 1. B. 5. C. 3. D. 6.

Câu 3: Tỉ lệ số nguyên tử của các nguyên tố Ca, C, O trong công thức CaCO_3 là

- A. 1: 1: 1. B. 1: 1: 2. C. 1: 1: 3. D. 2: 1: 3.

Câu 4: Hợp chất natri cacbonat có công thức hóa học là Na_2CO_3 thì tỉ lệ các nguyên tố theo thứ tự Na : C : O là

- A. 2 : 0 : 3. B. 1 : 2 : 3. C. 2 : 1 : 3. D. 3 : 2 : 1.

Câu 5: Khí oxi do nguyên tố oxi tạo nên; nước do 2 nguyên tố oxi và hidro tạo nên; tinh bột do 3 nguyên tố cacbon, hidro và oxi tạo nên. Nguyên tố nào cho dưới đây là nguyên liệu cấu tạo chung của các chất này?

- A. cacbon. B. hidro. C. sắt. D. oxi.

Câu 6: Ba nguyên tử hidro được biểu diễn là

- A. 3H. B. 3H_2 . C. 2H_3 . D. H_3 .

Câu 7: Cách viết 2C có ý nghĩa:

- A. 2 nguyên tố cacbon. B. 2 nguyên tử cacbon.
C. 2 đơn vị cacbon. D. 2 khối lượng cacbon.

Câu 8: Kí hiệu biểu diễn hai nguyên tử oxi là

- A. 2O. B. O_2 . C. O_2 . D. 2O_2

Câu 9: Cách biểu diễn 4H_2 có nghĩa là

- A. 4 nguyên tử hidro. B. 8 nguyên tử hidro.
C. 4 phân tử hidro. D. 8 phân tử hidro.

Câu 10: Lưu huỳnh đioxit có công thức hóa học là SO_2 . Ta nói thành phần phân tử của lưu huỳnh đioxit gồm:

- A. 2 đơn chất lưu huỳnh và oxi.

B. 1 nguyên tử lưu huỳnh và 2 nguyên tử oxi.

C. nguyên tử lưu huỳnh và nguyên tử oxi.

D. 1 nguyên tử lưu huỳnh và 2 nguyên tử oxi.

Câu 11: Công thức hóa học và phân tử khối của hợp chất có 1 nguyên tử Na, 1 nguyên tử N và 3 nguyên tử oxi trong phân tử là

A. NaNO_3 , phân tử khối là 85.

B. NaNO_3 , phân tử khối là 86.

C. NaNO_2 , phân tử khối là 69.

D. NaNO_3 , phân tử khối là 100.

Câu 12: Trong phân tử nước, tỉ số khối lượng giữa các nguyên tố H và O là 1: 8. Tỉ lệ số nguyên tử H và O trong phân tử nước là

A. 1: 8.

B. 2: 1.

C. 3: 2.

D. 2: 3.

Câu 13: Một hợp chất khí X có thành phần gồm 2 nguyên tố là C và O. Tỉ lệ khối lượng của C và O là 3:8. Công thức của khí X là

A. CO.

B. CO_2 .

C. CO_3 .

D. CO_4 .

Câu 14: Một oxit lưu huỳnh có thành phần gồm 2 phần khối lượng lưu huỳnh và 3 phần khối lượng oxi. Công thức hoá học của oxit là

A. SO.

B. SO_2 .

C. SO_3 .

D. S_2O_4 .

Câu 15: Sắt oxit có tỉ số khối lượng sắt và oxi là 21: 8. Khối lượng phân tử của oxit sắt là

A. 72.

B. 80.

C. 160.

D. 232.

Câu 16: Một hợp chất khí X có thành phần gồm 2 nguyên tố C và O. Biết tỉ lệ về khối lượng của C với O lần lượt là 3:8. X có khối lượng phân tử là

A. 28.

B. 44.

C. 64.

D. 32.

Câu 17: Một hợp chất được cấu tạo bởi cacbon và hiđro có tỉ lệ khối lượng là $m_C : m_H = 4:1$. Công thức hóa học của hợp chất là

A. CH_4 .

B. C_2H_4 .

C. C_2H_6 .

D. C_6H_6 .

Câu 18: Sắt sunfua là hợp chất chứa 63,6% Fe và 36,4% S. Sắt sunfua có công thức hóa học là

A. Fe_2S_3 .

B. Fe_2S .

C. FeS_2 .

D. FeS.

Câu 19: Hợp chất X tạo bởi 2 nguyên tố C và H, trong đó nguyên tố H chiếm 25% về khối lượng trong hợp chất. Công thức hóa học của X là

A. C_2H_2 .

B. C_2H_4 .

C. CH_4 .

D. C_2H_6 .

Câu 20: Phân tích định lượng muối vô cơ X, nhận thấy có 46,94% natri; 24,49% cacbon và 28,57% nitơ về khối lượng. Phân tử khối của X là

A. 49.

B. 72.

C. 61.

D. 63.